

Chương 4:

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VALUE ADDED TAX)



Người trình bày: Hoàng Đình Vui

Mục tiêu

- Sau khi nghiên cứu xong chương này, bạn có thể:
 - Giải thích được **khái niệm GTGT**
 - Biết được **quy định về thuế GTGT** (đối tượng chịu thuế, khấu trừ,...) năm 2012
 - Thực hiện được kê **khai thuế GTGT** theo phương pháp khấu trừ, và trực tiếp theo TT 28

Nội dung

- Khái niệm thuế GTGT
- Đối tượng chịu (không) thuế GTGT
- Đối tượng nộp thuế GTGT
- Giá tính thuế GTGT
- Thuế suất thuế GTGT
- Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- kê khai thuế GTGT theo TT 28

Tài liệu

- Luật Thuế giá trị gia tăng (2008)
- Nghị định số: 123/2008/NĐ-CP
- Nghị định số: 121/2011/NĐ-CP (*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2008/NĐ-CP*)
- Thông tư số: 06/2012/TT – BTC (*thi hành Nghị định 121, thay thế Thông tư 129/2008/TT- BTC*) áp dụng từ ngày 01/03/2012 (bắt buộc đọc)
- Thông tư số: 28/2011/TT – BTC (*kê khai*)
- Hóa đơn, chứng từ bán hàng: **NĐ 51, TT 153**, TT 13 (bắt buộc đọc)

Khái niệm

- Là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông, tiêu dùng.
- Là thuế gián thu, được thu ở nhiều khâu, căn cứ vào giá trị gia tăng tạo ra ở mỗi khâu

Định nghĩa:

- *Giá trị gia tăng là gì: Giá đầu ra – Giá đầu vào*
- *Những gì không phải đầu vào: Lương + Lợi nhuận*

Xác định số thuế GTGT

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:
 - Thuế GTGT = Giá trị gia tăng x thuế suất
 - Giá trị gia tăng = giá trị đầu ra – giá trị đầu vào
- Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra – thuế GTGT đầu vào
 - Thuế GTGT đầu ra (vào) = giá tính thuế x thuế suất

Ví dụ: phương pháp khấu trừ



Công ty Z bán gỗ với giá: 100 đ + 10 đ (VAT)

VAT = 10 đ



Xưởng sản xuất ghế A mua gỗ với giá: 110 đ

Sản xuất ghế rồi bán với giá: 200 đ + 20 đ (VAT)

VAT = 10 đ (20 đ đầu ra – 10 đ đầu vào khấu trừ)



Cửa hàng nội thất mua ghế với giá: 220 đ

Bán lại với giá: 300 đ + 30 đ

VAT = 10 đ (30 đ đầu ra – 20 đ đầu vào khấu trừ)



Tổng thuế VAT: 10 + 10 + 10 = 30 đ

Giả sử: thuế suất 10% ở các khâu

Ví dụ: phương pháp trực tiếp



Công ty Z bán gỗ với giá: 100 đ

Giá mua đầu vào: 0 đ \Rightarrow GTGT = 100 - 0 = 100 đ

VAT = 100 x 10% = 10 đ



Xưởng sản xuất ghế A mua gỗ với giá: 100 đ

Sản xuất ghế rồi bán với giá: 200 đ \Rightarrow GTGT = 200 - 100 = 100 đ

VAT = 100 x 10% = 10 đ



Cửa hàng nội thất mua ghế với giá: 200 đ

Bán lại với giá: 300 đ \Rightarrow GTGT = 300 - 200 = 100 đ

VAT = 100 x 10% = 10 đ



Tổng thuế VAT: 10 + 10 + 10 = 30 đ

Giả sử: thuế suất 10% ở các khâu

Đối tượng chịu thuế

- Điều 3 của Luật thuế GTGT

“Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này”.

Đối tượng không chịu thuế

- Điều 5 của Luật thuế GTGT: 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ
Ví dụ: Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện.
- **Để ý nhé:**
“Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp áp dụng mức thuế suất 0%.”

Ví dụ: xác định đối tượng chịu thuế

- Công ty X cung cấp dịch vụ
 - Thu, dọn, vận chuyển, xử lý rác thải cho Quận A
 - Lau dọn văn phòng cho Công ty C
 - Lau chùi hàng lang, cầu thang cho chung cư H
- Công ty ABC (không phải tổ chức tín dụng) ký hợp đồng cho Doanh nghiệp Z vay tiền trong 6 tháng và nhận được khoản tiền lãi. Tiền lãi vay được nhận có chịu thuế GTGT?
- Công ty A mua bán xe máy trả góp. Tiền lãi thu được từ bán trả góp có phải nộp thuế không?

Ví dụ: xác định đối tượng chịu thuế

- Doanh nghiệp X bán hàng cho doanh nghiệp Z, tổng giá thanh toán là 440 triệu đồng. Theo hợp đồng, doanh nghiệp Z thanh toán trả chậm trong vòng 3 tháng, lãi suất trả chậm là 1%/tháng/tổng giá thanh toán của hợp đồng. Sau 3 tháng, doanh nghiệp X nhận được từ doanh nghiệp Z tổng giá trị thanh toán của hợp đồng là 440 triệu đồng và số tiền lãi chậm trả là 13,2 triệu.

Người nộp thuế

- Tổ chức, cá nhân
 - sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam
 - Nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài

Ví dụ 1:

- Công ty B (VN) ký hợp đồng với Công ty C (VN) về cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát thiết kế cho dự án đầu tư ở Campuchia dịch vụ được thực hiện ở Việt Nam và Campuchia
- kê khai nộp thuế như thế nào?

Ví dụ 2:

- Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp
- Điều chuyển tài sản giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong doanh nghiệp
- Khi điều chuyển quyền sử dụng đất từ Công ty Z sang Công ty được tách (A,B).
- Ông A là cá nhân không kinh doanh bán 01 ô tô 4 chỗ ngồi cho ông B với giá là 600 trđ.

Giá tính thuế

- TH 1: Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra
 - Giá bán chưa có thuế GTGT (đã có thuế TTĐB, thuế BVMT)
 - Khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán
 - **Đề ý:** Giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại: Giá đã giảm, đã chiết khấu thương mại

Giá tính thuế

- TH 2: Hàng hóa nhập khẩu
 - Giá thuế nhập khẩu tại cửa khẩu
 - Cộng: thuế nhập khẩu (nếu có)
 - Cộng: thuế TTĐB (nếu có)
 - Cộng: thuế BVMT (nếu có).

Giá tính thuế

- TH3: hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho:
 - Giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động
 - **Để ý nhé:**
 - Tiêu dùng nội bộ => kê khai, khấu trừ thuế
 - Luân chuyển nội bộ (chuyển kho nội bộ) => không phải tính, nộp thuế

Giá tính thuế

- TH 4: Hàng hoá, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT (vé cước vận tải, vé xổ số)
- Giá chưa có thuế GTGT = Giá thanh toán / (1 + thuế suất thuế GTGT)

Các trường hợp khác về xác giá tính thuế sinh viên tự xem tại:

Thông tư số: 06/2012/TT – BTC (*thi hành Nghị định 121, thay thế Thông tư 129/2008/TT- BTC*)

Thời điểm tính thuế

- **Hàng hóa:** chuyển giao quyền sở hữu hoặc sử dụng cho người mua
- **Dịch vụ:** thời điểm hoàn việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn
- **Hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê:** thời điểm thu tiền theo tiến độ dự án, hợp đồng
- **Xây dựng, lắp đặt:** thời điểm bàn giao, nghiệm thu

Thuế suất

- Các mức thuế suất thuế GTGT được *áp dụng thống nhất* cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại
- Mức thuế suất
 - 0%: hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu
 - 5%: thực phẩm tươi sống (chưa chế biến)
 - 10%: còn lại

Ví dụ:

- Cửa hàng VISSAN có bán
 - Thịt đùi heo, thịt vai heo, ba rọi
 - Xúc xích diệt trùng, giò, thịt nguội, chà bông heo
- Thuế suất thuế GTGT từng mặt hàng?

Phương pháp khấu trừ

- Áp dụng đối:
 - Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn và chứng từ
 - Đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ

- Xác định số thuế GTGT phải nộp:

Số thuế GTGT đầu ra

Trừ: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Phương pháp khấu trừ

- Số thuế GTGT đầu ra
 - Ghi trên hóa đơn GTGT của HHDV bán ra
 - Ghi giá thanh toán: Số thuế GTGT đầu ra = Giá thanh toán – Giá tính thuế

Phương pháp khấu trừ

- **Số thuế GTGT đầu vào**
 - Ghi trên hóa đơn GTGT của HHDV mua vào
 - Chứng từ nộp thuế nhập khẩu
 - Chứng từ nộp thuế thay cho phía nước ngoài (thuế nhà thầu)
 - Chứng từ đặc thù (giá thanh toán): tem, vé

Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào

- Thuế GTGT đầu vào của HHDV dùng cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT => khấu trừ toàn bộ
- Thuế GTGT đầu vào của HHDV dùng cho SXKD HHDV chịu (không) thuế GTGT => khấu trừ dùng cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT

Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào

- Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ => khấu trừ toàn bộ
- **Để ý:** ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ sử dụng vào kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn) có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng (giá chưa có thuế GTGT) => không được khấu trừ số thuế GTGT tương ứng với phần vượt trên 1,6 tỷ đồng.

Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mà doanh nghiệp dùng để biếu, tặng, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT => được khấu trừ toàn bộ
- Thuế GTGT không được khấu trừ => tính vào
 - Nguyên giá tài sản cố định
 - Trị giá nguyên vật liệu
 - Chi phí sản xuất kinh doanh

Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh tháng nào thì được kê khai khấu trừ trong tháng đó
- **Để ý:**
- Bỏ sót chưa khấu trừ => được khấu trừ bổ sung không quá 6 tháng kể từ tháng phát sinh.
- Ví dụ: hóa đơn ngày 10/03/2012 được khấu trừ để kê khai thuế tháng 8/2012.

Ví dụ:

- Công ty A có nhận tài sản góp vốn của cổ đông Z có thông tin sau:
 - Tài sản đã qua sử dụng trị giá 100 trđ.
 - Tài sản mới (chưa sử dụng): trị giá 66 trđ (có 10 trđ thuế GTGT)
- Thuế GTGT 10 trđ của tài sản mới Công ty A có được trừ không?

Không được khấu trừ

- Hóa đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ đặc thù)
- Hóa đơn ghi hoặc không ghi đúng tên, địa chỉ, mã số thuế người bán
- Hóa đơn, chứng từ giả, tẩy xóa, hóa đơn khống (xem thêm NĐ 51, TT 153)

Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào

- Có hóa đơn GTGT
- Chứng từ nộp thuế khâu nhập khẩu
- Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với HHDV mua vào: từ 20 triệu đồng trở lên

Thanh toán qua ngân hàng

- Chuyển tiền từ tài khoản bên mua sang tài khoản bên bán
- Phương thức thanh toán bù trừ (hợp đồng, biên bản xác nhận)
- **Chứng từ:** séc, ủy nhiệm chi, lệnh chi, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, sim điện thoại (ví điện tử)
- **Đề ý nhé:** Nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán => không được khấu trừ

Thanh toán qua ngân hàng

- Mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 trđ:
 - **Trong thời hạn:** được khấu trừ (thời hạn thanh toán ghi vào cột ghi chú trên bảng kê)
 - **Đến hạn không** có chứng từ thanh toán qua ngân hàng: không được trừ

Hoàn thuế

□ Trường hợp hoàn thuế

- Số thuế GTGT đầu vào của 3 tháng liên tục cho được khấu trừ hết
- Dự án đầu tư, đầu tư mới (giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động) có thời gian trên 1 năm: trên 200 trđ thuế GTGT đầu vào được trừ
- Hàng hóa dịch vụ xuất khẩu: thuế chưa được trừ trên 200 trđ
- Quyết toán thuế khi: giải thể, phá sản

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

□ Áp dụng:

- Không thực hiện, hoặc thực hiện không đủ chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ
- Hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý
- Các tổ chức khác (tổ chức xã hội, nghề nghiệp)

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

□ Xác định số thuế GTGT phải nộp

➤ Thuế GTGT trực tiếp trên GTGT

▪ Thuế GTGT phải nộp = GTGT chịu thuế x thuế suất

▪ $GTGT = \text{Doanh thu bán ra} - \text{Giá vốn}$

➤ Thuế GTGT trực tiếp trên doanh thu (đủ hóa đơn chứng từ đầu ra, không đủ đầu vào)

= $\text{Doanh thu} \times \text{tỷ lệ gia tăng trên doanh thu}$

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

- Tỷ lệ gia tăng trên doanh thu
 - Thương mại: 10%
 - Dịch vụ, xây dựng: 50%
 - Sản xuất, vận tải có gắn với hàng hóa: 30%
 - Hộ kinh doanh: không thực hiện chế độ kế toán Bộ tài chính quy định
- Ví dụ: Công văn số 16333/CT-QĐ (TP.HCM)

khai thuế

- Trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế
- Nguyên tắc kê khai
- Các phương pháp kê khai
- Hồ sơ kê khai
- Thực hành kê khai (khấu trừ)

Trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế

- Cơ quan thuế quản lý trực tiếp
- Có đơn vị kinh doanh trực thuộc
 - cùng nơi người nộp thuế có trụ sở chính: trụ sở chính khai cung cho cả đơn vị
 - khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính: đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc

Trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế

- có cơ sở sản xuất trực thuộc (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu
 - hạch toán kế toán thì phải đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ (hoá đơn GTGT khi xuất hàng)
 - không thực hiện hạch toán kế toán thì khai thuế tại trụ sở chính và nộp thuế cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc.

Trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế

➤ không thực hiện hạch toán kế toán

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc được xác định theo **tỷ lệ trên doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT** của sản phẩm sản xuất ra hoặc sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất

- 2% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 10%)
- 1% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 5%)

- Ví dụ 1: Công ty Z trụ sở tại TP.HCM có 2 đơn vị sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán đóng tại Đồng Nai và Bình Dương. Sản phẩm sản xuất ra thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% và do trụ sở chính xuất bán. Trong kỳ khai thuế tháng 4/2012: doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở Đồng Nai là 600 triệu, Bình Dương 500 triệu.

Xác định số thuế GTGT phải nộp ở từng địa phương? Cách ghi số tiền nộp thuế trên chứng từ nộp thuế?

- TH 1: Công ty Z không phát sinh số thuế phải nộp tại trụ sở chính
- TH 2: Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính của công ty Z (theo tờ khai 01/GTGT) trong kỳ là: 25 triệu đồng.
- TH 2: Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính của công ty Z (theo tờ khai 01/GTGT) trong kỳ là: 20 triệu đồng.

Trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế

- Kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng
vãng lai ngoại tỉnh => Chi cục Thuế quản
lý (khai thuế GTGT theo từng lần phát
sinh) tạm tính theo tỷ lệ trên doanh thu
hàng hoá, dịch vụ chưa có thuế GTGT
 - 2% đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất
thuế GTGT 10%
 - 1% đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất
thuế GTGT 5%

Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tháng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế

- Tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT)
- Bảng kê hoá đơn HHDV bán ra (mẫu số 01-1/GTGT)
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ HHDV mua vào (mẫu số 01-2/GTGT)
- Bảng kê số lượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy bán ra theo mẫu số 01-3/GTGT

Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tháng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế

- **Bảng phân bổ số thuế** giá trị gia tăng của HHDV mua vào được khấu trừ trong tháng theo mẫu số 01-4A/GTGT
- Bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh theo mẫu số 01-5/GTGT
- **Bảng phân bổ thuế** GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có **cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán** kế toán mẫu số 01 – 6/GTGT

Lập tờ khai thuế GTGT

- Khi lập bảng kê cần trả lời câu hỏi “căn cứ để lập bảng kê”?
- Căn cứ để lập tờ khai:
 - Phụ lục (bảng kê): Hoá đơn GTGT, chứng từ nộp (mỗi hoá đơn chứng từ kê khai một dòng)
 - Tờ khai thuế kỳ trước
 - Hồ sơ khai bổ sung: mẫu 01/KHBS

Lập tờ khai thuế GTGT

- Chỉ tiêu [21]: không phát sinh
- Chỉ tiêu [22] số thuế GTGT gia tăng kỳ trước chuyển sang: lấy số liệu ở chỉ tiêu [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ trước
- Chỉ tiêu [25] tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này
 - Mục 1, trên bảng kê mua vào
 - Mục 5 phần B, bảng phân bổ thuế 01-4A/GTGT

Lập tờ khai thuế GTGT

- Chỉ tiêu [36] thuế GTGT phát sinh trong kỳ: âm hoặc dương
- Điều chỉnh tăng (giảm) số thuế GTGT kỳ trước [37],[38]
- Khai điều chỉnh
 - tăng (giảm) số thuế GTGT phải nộp => không ghi vào [37], [38]
 - giảm số thuế GTGT được khấu trừ => [37]
 - tăng số thuế GTGT được khấu trừ => [38]

Lập tờ khai thuế GTGT

- Chỉ tiêu [40a]
 - Dương: số thuế GTGT phải nộp
 - Âm: số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau

Đề ý nhé...

- Khi sử dụng phần mềm HTKK
 - Tải bảng kê từ Excel
 - Thông báo lỗi khi sử dụng (màu đỏ. Màu vàng)

Kê khai bổ sung

- Tình huống:
- Sau khi **hết hạn nộp hồ sơ khai thuế** theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có **sai sót, nhầm lẫn** gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp. Bạn sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

Kê khai bổ sung

- Quy định: theo khoản 5, điều 9, TT 28
- Khi chưa hết hạn nộp hồ sơ khai thuế:
Lập tờ khai thuế mới (không cần giải trình khai bổ sung, điều chỉnh), đánh dấu trạng thái trên Tờ khai là “lần đầu”.
- Khi hết hạn nộp tờ khai: Tờ khai “Bổ sung lần thứ...”.

Kê khai bổ sung

- Khai bổ sung
- Tăng số thuế phải nộp, giảm số tiền thuế được hoàn của kỳ khai bổ sung => Nộp tiền thuế tăng thêm, tiền phạt chậm nộp (tỷ lệ 0.05%/ngày).
- Giảm số tiền phải nộp => số thuế điều chỉnh giảm được bù trừ với số thuế phải nộp của lần tiếp theo hoặc làm thủ tục hoàn.

Hồ sơ kê khai bổ sung

- Tờ khai thuế mới của kỳ tính thuế cần kê khai bổ sung điều chỉnh (số liệu đúng sau cùng), đánh dấu trạng thái lần bổ sung
- Bản giải trình khai bổ sung điều chỉnh **mẫu 01/KHBS**: Căn cứ tờ khai đúng và tờ khai sai sót nhầm lẫn
- Tài liệu kèm theo giải thích số liệu kê khai bổ sung

Để ý nhé...

- Tờ khai thuế lập theo từng lần phát sinh
=> Lập tờ khai mới, không khai bổ sung điều chỉnh
- Không khai bổ sung số tiền thuế tăng, giảm vào Tờ khai tháng hiện tại (tháng phát sinh điều chỉnh)

Khai bổ sung thuế GTGT

- Không làm tăng giảm số thuế GTGT phải nộp, được trừ
- Tăng số thuế GTGT phải nộp => nộp tiền thuế tăng thêm, phạt chậm nộp
- Giảm số thuế GTGT phải nộp => bù trừ hoặc hoàn
- Tăng số tiền thuế được khấu trừ (chỉ tiêu [43])=> điều chỉnh giảm số tiền thuế phải nộp của kỳ trước (chỉ tiêu [38])
- Giảm số tiền thuế được khấu trừ (chỉ tiêu [43]) => điều chỉnh tăng số tiền thuế phải nộp của kỳ trước (chỉ tiêu [37])
- Liên quan đến hoàn thuế

Bài tập về nhà

- Hãy cho biết những điểm mới quy định về thuế GTGT theo Thông tư số 06/2012/TT – BTC (thi hành Nghị định 121) so với Thông tư 129/2008/TT- BTC.
- Trách nhiệm kê khai thuế GTGT đối với đơn vị trực thuộc ngoài tỉnh (TT 28)
- Quy định về kê khai bổ sung (TT 28)

Bài học kế tiếp

CHƯƠNG 5: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tối thứ 3, lúc 22h, tại vuidhcn.blog.com